

Bản án số: 104/2020/HS-ST

Ngày 30-10-2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bể

2. Bà Trần Thị Nơi

- Thư ký phiên toà: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H - tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Ngọc Tr, sinh năm 1964.

Nơi cư trú: thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc L và bà Đặng Thị C (Đã chết); có vợ Nguyễn Thị Nh và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 1997; nhân thân: Tháng 9 năm 1982 đi nghĩa vụ quân sự, đến tháng 11 năm 1985 xuất ngũ trở về địa phương sinh sống. Ngày 18/7/2007 Trần Ngọc Tr bị Công an huyện H, tỉnh Thái Bình xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

Bị hại: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1942 (đã chết)

Trú tại: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Những người đại diện hợp pháp cho bị hại:

1. Chị Trần Thị T, sinh năm 1962 (con gái bà Thễ)

Trú tại: Tổ 4, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

2. Chị Trần Thị L, sinh năm 1967 (con gái bà Thễ)

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

3. Anh Trần Văn V, sinh năm 1969 (con trai bà Thê)
Trú tại: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

4. Chị Trần Thị Th, sinh năm 1974 (con gái bà Thê)
Trú tại: Tổ 4, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

5. Anh Trần Văn Tr, sinh năm 1979 (con trai bà Thê)
Trú tại: Thôn H2, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

6. Chị Trần Thị Ch, sinh năm 1981 (con gái bà Thê)
Trú tại: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T, chị L, anh V, chị Th, anh Tr và chị Ch: Anh Trần Văn T1, sinh năm 1960 (có mặt).

Trú tại: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Người làm chứng:

1. Anh Trương Bình Th, sinh năm 1975.

2. Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1980.

3. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983

4. Chị Hà Thị M, sinh năm 1964

5. Chị Hà Thị T, sinh năm 1991

Đều trú tại: Thôn H2, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Những người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 20 giờ 50 phút ngày 10 tháng 5 năm 2020, Trần Ngọc Tr có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Jupiter, biển kiểm soát 89F8 - 8561 đi theo đường trục ĐH-66B hướng từ cầu Hà, xã T, huyện H về Ủy ban nhân dân xã T, huyện H. Khi đi đến đoạn đường thuộc địa phận thôn H2, xã T, huyện H, Tr điều khiển xe mô tô đi với tốc độ khoảng 20 đến 30 km/h trong điều kiện thời tiết khô ráo, phương tiện tham gia giao thông ít. Lúc này, Tr phát hiện thấy phía trước khoảng 10 mét đến 15 mét, bà Lê Thị Th đi bộ ra gần giữa đường, khi còn cách khoảng 05m đến 10m bà Th quay lại đi về phía bên phải đường theo chiều đi của Tr. Thấy vậy, Tr đánh tay lái điều khiển xe đi sang phía bên phải để tránh, nhưng khoảng cách gần nên phần đầu bên phải xe mô tô do Tr điều khiển đã đâm vào phía bên phải người bà Th làm bà Th ngã ra đường bất tỉnh, Tr bị xe mô tô đổ nghiêng bên trái đè lên người. Hậu quả bà Lê Thị Th bị thương và chết trên đường đưa đi cấp cứu.

Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 88/PY/PC09 ngày 13-5-2020, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận về nguyên nhân chết của bà Lê Thị Th: *“Đa chấn thương vùng đầu và toàn thân do tai nạn giao thông làm vỡ xương sọ vùng chẩm trái, chảy máu não, gãy đốt 3 ngón 5 bàn tay phải; nạn nhân chết do chấn thương sọ não”*

Tại bản cáo trạng số 101/CT- VKSHH ngày 08-10-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Trần Ngọc Tr về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự (viết tắt BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo Tr khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng.

Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xử bị cáo Tr phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 BLHS: Phạt bị cáo từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 24/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, trên phong bì ghi “Hoàn trả mẫu vật giám định; dấu vết màu nâu đỏ thu trên xe mô tô, biển kiểm soát 89F8 – 8561”.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo Tr với đại diện hợp pháp của bị hại, bị cáo bồi thường tất cả các khoản chi phí cho gia đình bị hại là: 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Đại diện gia đình bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường bất cứ khoản tiền nào khác.

Bị cáo Tr không tranh luận gì, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện H, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường (Bút lục từ số 07 đến số 10); bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 88/PY/PC09 ngày 13/5/2020, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (Bút lục số 14); biên bản khám nghiệm phương

tiện liên quan đến tai nạn giao thông (Bút lục số 22, 23); Lời khai của những người làm chứng: Anh Trương Bình Th, chị Đỗ Thị L, chị Nguyễn Thị Th, bà Hà Thị M, (Bút lục từ số 75 đến số 96) và chị Hà Thị T (Bút lục số 95 - 96). Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 50 phút ngày 10 tháng 5 năm 2020, tại đường trục ĐH-66B thuộc địa phận thôn H2, xã T, huyện H, Trần Ngọc Tr có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Jupiter, biển kiểm soát: 89F8 - 8561 đi theo hướng từ cầu Hà, xã T, huyện H về Ủy ban nhân dân xã T, huyện H. Do thiếu quan sát không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn khi có người đi bộ qua đường đã gây tai nạn với bà Lê Thị Th, sinh năm 1942, trú tại thôn Hà Kh, xã T, huyện H, đi bộ sang đường theo hướng từ phải qua trái theo chiều đi của Tr. Hậu quả bà Th bị thương và chết trên đường đưa đi cấp cứu. Hành vi của Tr đã vi phạm Khoản 4 Điều 11 và Khoản 6 Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Bộ giao thông vận tải. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Điều 11. Luật giao thông đường bộ, Chấp hành báo hiệu đường bộ

"1. Người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh và chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ.

.....

4. Tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, giảm tốc độ và nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường. Những nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, nếu thấy người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường thì phải giảm tốc độ, nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường bảo đảm an toàn"

Điều 5. Thông tư 31 ngày 29/8/2019 của Bộ giao thông vận tải; Các trường hợp phải giảm tốc độ

"Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp sau:

1. Có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường;

.....

6. Khi có người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường"

Điều 260: Bộ luật Hình sự, Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

"1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường

hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

b)

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo Tr là nguy hiểm cho xã hội, đã điều khiển xe mô tô vi phạm quy tắc giao thông đường bộ được quy định trong Luật giao thông đường bộ, xâm phạm đến an toàn trật tự công cộng, đồng thời xâm phạm đến tính mạng của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Tuy nhiên, bị cáo Tr không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại điều 52 BLHS, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường các khoản thiệt hại cho gia đình bị hại; các con của bà Th có đơn đề nghị xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho các con của bà Th đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo Tr; bị cáo có thời gian tham gia quân đội nhân dân Việt Nam, bị cáo phạm tội do một phần lỗi của bị hại khi sang đường thiếu chú ý quan sát, nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Từ các nhận xét trên, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách nhất định, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 591 Bộ luật dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện bồi thường giữa bị cáo Tr với đại diện hợp pháp của bị hại, bị cáo bồi thường tất cả các khoản chi phí cho gia đình bị hại là: 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Đại diện gia đình bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường bất cứ khoản tiền nào khác. (Bị cáo đã bồi thường xong).

[6] Về xử lý vật chứng: 01 phong bì niêm phong số 24/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, trên phong bì ghi “Hoàn trả mẫu vật giám định; dấu vết màu nâu đỏ thu trên xe mô tô, biển kiểm soát 89F8-8561” cần tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo Tr phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Từ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trần Ngọc Tr** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc Tr **01 (một) năm 03 (ba) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Ngọc Tr cho UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 591 Bộ luật dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo Tr với đại diện hợp pháp của bị hại, bị cáo bồi thường tất cả các khoản chi phí cho gia đình bị hại là: 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Gia đình bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường bất cứ khoản tiền nào khác. (Bị cáo đã bồi thường xong).

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 24/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, trên phong bì ghi “Hoàn trả mẫu vật giám định; dấu vết màu nâu đỏ thu trên xe mô tô, biển kiểm soát 89F8 – 8561” (Vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình đang quản lý).

5. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 BLTTHS và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí, bị cáo Tr phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị T, chị L, anh V, chị Th, anh Tr và chị Ch có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Công an huyện H;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Trần Thị Nhàn